TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2018/DS-PT
Ngày: 21-03-2018
"V/v Kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Kim Khánh, ông Y Phi Kbuôr.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trọng Vượng - Kiểm sát viên.

Ngày 21/03/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 232/2017/TLPT-DS ngày 06/12/2017 về việc "*Kiện đòi tài sản*". Do bản án dân sự sơ thẩm số 61/2017/DS-ST ngày 31/7/2017 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 37/2018/QĐ-PT ngày 05/02/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2018/QĐ-PT ngày 05/03/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị TH; địa chỉ: Khu dân cư X, thị xã O, tỉnh Bình Dương (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Hằng N; địa chỉ: Đường XX, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh H; địa chỉ: Đường Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Đặng T; địa chỉ: Đường Z, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Đức TR; địa chỉ: Đường O, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Ông Nguyễn Đình P; địa chỉ: Đường O, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Minh H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị TH và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đỗ Thị Hằng N trình bày: Theo bản án số 13/2005/LHPT ngày 08/6/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bà Trần Thị TH được quyền sở hữu tài sản gồm: Phòng ngủ phía trước rộng 4,2m dài 0,9m+3,7m = 4,6m cả tủ tường, phòng ngủ phía sau dài 4,9m, rộng 3,3m và nhà vệ sinh thứ 2 rộng 1,9m dài 2,6m có diện tích 40,43m^2 nằm trên 220,77m^2 lô đất liên gia I, tổ dân phố X, phường TT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; trong đó đất thổ cư 60m^2, đất nông nghiệp 160,177m^2. Đất có vị trí tứ cận: Phía Tây giáp đất ông D dài 35m, phía Nam giáp đường rộng 6,6m, phía Bắc giáp đất ông H rộng 6,6m; phía Đông: phía trước giáp đất ông H dài 9,9m, phía sau giáp đất ông H dài 15,6m.

Số tài sản trên là 01 phần tài sản nằm trong khối tài sản chung của bà TH và ông H gồm có nhà và đất tại địa chỉ O, phường TT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Trước và sau khi ly hôn bà TH và ông H vẫn sống tại căn nhà trên, sau đó do công việc bà TH phải đi làm ăn xa, ông H ở nhà lợi dụng việc bà TH ở xa không quản lý được tài sản nên đã tự ý sử dụng cả phần tài sản trên của bà TH, bà TH đã nhiều lần yêu cầu ông H trả lại tài sản trên cho bà TH và tiền hành làm thủ tục tách thửa để bà TH làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất nhưng ông H không hợp tác.

Nay để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà TH, đề nghị Tòa án buộc ông H trả cho bà phần tài sản đã được chia, đồng thời đề nghị Tòa án buộc ông H phải giao nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất địa chỉ O, phường TT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để bà TH có thể thực hiện các quyền của chủ sở hữu, chủ sử dụng hợp pháp đối với thửa đất và căn nhà nêu trên theo quy định của pháp luật như tách thửa, xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản trên đất.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Minh H và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đặng T trình bày: Theo bản án số 13/2005/LHPT ngày 08/6/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thì ông Nguyễn Minh H được quyền sở hữu một phần căn nhà cấp 04, phòng khách rộng 3,9m dài 4,3m, bếp rộng 3,0m dài 4,2m và nhà vệ sinh thứ 1 rộng 1,9m dài 1,6m có diện tích là 32,41m^2, được tạo dựng trên diện tích 624,23 m^2 lô đất tại liên gia I, tổ dân phố X, phường TT, thành phố B; trong đó đất thổ cư 60m^2, đất nông nghiệp 564,23m^2. Ví trí từ cận: Phía Đông giáp đất trống dài 70m, phía Tây giáp đất bà TH dài 35m và một phần giáp đất ông D dài 35m, phía Bắc giáp đất ông T1 dài 12,55m, phía Nam giáp đường rộng 6,6m.

Sau khi ông Nguyễn Minh H và bà Trần Thị TH ly hôn thì bà TH vẫn sử

dụng căn nhà tại địa chỉ O, phường TT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, còn ông H thì đi làm xa nên không sử dụng căn nhà trên cho đến nay. Sau đó một thời gian dài bà TH không ở, nên năm 2015 ông Nguyễn Minh H1 (bố đẻ của ông H) cho ông Lê Đức TR thuê nhà tại địa chỉ O, phường TT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, tuy nhiên ông H1 chỉ cho ông TR thuê phần tài sản thuộc quyền sử dụng của ông H, không liên quan đến phần tài sản mà bà TH được quyền sử dụng, quản lý. Nay bà TH khởi kiện ông H đòi lại tài sản nằm trong khối tài sản mà bà TH được chia theo bản án số 13/2005/LHPT ngày 08/6/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk là không đúng bởi vì ông H không sử dụng, không chiếm giữ tài sản của bà TH mà số tài sản trên là do ông Nguyễn Minh H1 (bố ông H) thấy không có ai sử dụng nên đã cho ông TR thuê và cho ông P mượn để ở. Nay tòa án cấp sơ thẩm xét xử cho rằng ông H chiếm đoạt tài sản của bà TH là không đúng, quá trình giải quyết cấp sơ thẩm cũng không đưa ông H1 vào tham gia tố tụng, tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng không đúng địa chỉ là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do đó, ông H đã kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Đức TR trình bày: Trước khi thuê ngôi nhà trên, ông có đến gặp và được ông H1 đồng ý cho thuê nên ông với ông Nguyễn Minh H1 hai bên đã ký kết hợp đồng thuê căn nhà tại địa chỉ O, phường TT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 01/6/2015, nay bà Trần Thị TH khởi kiện đòi phần tài sản với ông H là căn nhà ông đang hợp đồng thuê với ông H1, ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Minh P trình bày: Ông Nguyễn Minh H1 cho ông ở nhờ phía sau ngôi nhà tại địa chỉ O, phường TT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Nay bà TH khởi kiện đòi lại nhà và đất tại địa chỉ nêu trên thì ông không có liên quan gì và ông đồng ý trả lại cho ông H1 khi có yêu cầu.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 61/2017/DS-ST ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị TH.

Buộc ông Nguyễn Minh H phải trả lại cho bà Trần Thị TH 01 căn nhà ở phía Tây có diện tích là (4,8m x 9,7m) = 46,56m^2. Trong đó có: (Phòng ngủ phía trước rộng 4,7m; dài 4,8m cả tủ tường; Phòng ngủ phía sau rộng 3,3m; dài 4,8m; 01 nhà tắm + vệ sinh + nhà bếp có diện tích 8,16m^2) nằm trên thửa đất có diện tích (6,09mx35m) = 213,15 m^2. Trong đó đất thổ cư 60m^2, đất nông nghiệp 153,15m^2. Vị trí thửa đất có tứ cận như sau:

Phía Nam giáp đường đi rộng 6,09m

Phía Bắc giáp đất ông H rộng 6,09m

Phía Đông giáp đất ông H dài 35m

Phía Tây giáp tường rào nhà ông D dài 35m.

- Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Ông Nguyễn Minh H phải chịu số tiền 1.800.000 đồng chi phí thẩm định, định giá tài sản. Bà Trần Thị TH được nhận lại 1.800.000 đồng sau khi thu được của ông Nguyễn Minh H.

- Về án phí: Ông Nguyễn Minh H phải nộp số tiền 7.544.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị TH không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền 2.500.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị N nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí số 39292 ngày 16/9/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/10/2017, ông Nguyễn Minh H kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 61/2017/DS-ST ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo và cho rằng: Tại cấp sơ thẩm Tòa án có đưa ông Lê Đức TR, ông Nguyễn Minh P vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không đưa ông Nguyễn Minh H1, là người trực tiếp cho ông TR, ông P thuê nhà vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng về tố tụng; Ngoài ra, khi xét xử sơ thẩm ông TR, ông P không được Tòa án triệu tập đến tham gia phiên tòa và cấp sơ thẩm niêm yết văn bản tố tụng tại nơi ở của ông H không đúng, dẫn đến việc ông H không nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Bản án sơ thẩm, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H. Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn thì không ghi ngày tháng nhưng cấp sơ thẩm vẫn thụ lý, giải quyết là không đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, bà TH cho rằng ông H chiếm đoạt tài sản mà bà TH được quyền sử dụng, quản lý theo như bản án số 13/2005/LHPT ngày 08/6/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên nhưng ông H cũng như ông TR, ông P là người thuê căn nhà trên không thừa nhận việc này, do đó Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H phải trả cho bà TH phần tài sản theo bản án nêu trên là chưa phù hợp. Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn, hủy bản án dân sự sơ thẩm số 61/2017/DS-ST ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma

Thuột.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và cho rằng ông H trình bày việc ông không chiếm đoạt tài sản của bà TH là không đúng, khi bà TH muốn sử dụng phần tài sản mà bà TH được chia theo như bản án số 13/2005/LHPT ngày 08/6/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, thì căn nhà khóa cửa cổng, không cho bà TH sử dụng; đồng thời, theo Hợp đồng thuê nhà giữa ông H với ông TR thì Hợp đồng thể hiện là cho thuê nhà và đất. Do đó, ông TR cho rằng chỉ thuê phần đất của ông H là không đúng. Đối với thủ tục tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Nguyễn Minh H1 vào tham gia tố tụng và niêm yết văn bản tố tụng sai quy định là vi phạm thủ tục tố tụng, tuy nhiên việc vi phạm trên có thể khắc phục được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm 61/2017/DS-ST ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

**Về tố tụng:*

- Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến ngày mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

**Về nội dung:*

- Theo bản án số 13/2005/LHPT ngày 08/6/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, giải quyết vụ án "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" thì bà TH được quyền sở hữu một phần căn nhà xây cấp 04 gồm: Phòng ngủ phía trước rộng 4,2m dài 0,9m+3,7m = 4,6m cả tủ tường, phòng ngủ phía sau dài 4,9m, rộng 3,3m và nhà vệ sinh thứ 2 rộng 1,9m dài 2,6m có diện tích 40,43m^2 nằm trên 220,77m^2 lô đất liên gia I, tổ dân phố X, phường TT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Trong đó đất thổ cư 60m^2, đất nông nghiệp 160,177m^2. Đất có vị trí tứ cận: Phía Tây giáp đất ông D dài 35m, phía Nam giáp đường rộng 6,6m, phía Bắc giáp đất ông H rộng 6,6m; phía Đông: phía trước giáp đất ông H dài 9,9m, phía sau giáp đất ông H dài 15,6m. Sau khi bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thì bà TH không làm đơn yêu cầu thi hành án do đó đến nay đã hết thời hiệu thi hành án nên bà TH có quyền khởi kiện yêu cầu ông H phải trả lại tài sản theo bản án số 13/2005/LHPT ngày 08/6/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk là có cơ sở.

Xét thấy, bản án sơ thẩm có những vi phạm về tố tụng như sau: Ông H đang ở địa chỉ đường Y, Thôn A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông H đang ở thôn B và tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng tại thôn B là không đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, dẫn đến việc ông H không nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Bản án sơ thẩm, làm

ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H. Đồng thời khi tiến hành niêm yết văn bản tố tụng Tòa án không thực hiện việc lập biên bản trong trường hợp người được cấp, tống đạt, thông báo vắng mặt và không đưa ông H1 vào tham gia tố tụng là vi phạm Điều 68, Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét thấy, cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Minh H. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 61/2017/DS-ST ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Minh H đã quá hạn theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng đã được Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xem xét chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Minh H theo Quyết định số 47/2017/QĐ-KCQH ngày 17/11/2017. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết vụ án để xét xử phúc thẩm là đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Xét thấy, việc tống đạt, niêm yết các văn bản của Tòa án thì cấp sơ thẩm đã tiến hành niêm yết nhưng không đúng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bởi lẽ, ông Nguyễn Minh H đang sinh sống tại địa chỉ đường Y, Thôn A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, nhưng Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột lại niêm yết tại thôn B và không thực hiện việc lập biên bản trong trường hợp người được cấp, tống đạt, thông báo vắng mặt là không đúng quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, ông Nguyễn Minh H cho rằng ông không nhận được các văn bản của Tòa án cấp sơ thẩm là có cơ sở.

[1.3] Xét thấy, trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết thì ông H có đơn phản tố và ngày 05/4/2017, Tòa án cấp sơ thẩm đã ra thông báo yêu cầu sửa đổi bổ sung đơn yêu cầu phản tố và trong hồ sơ vụ án đã thể hiện giấy báo phát của Bưu điện Việt Nam gửi cho ông Nguyễn Minh H vào ngày 07/4/2017, nhưng không thể hiện nội dung gửi mà chỉ thể hiện tên người nhận là bà Quách Thùy NH (vợ thứ hai của ông H), nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xác minh mà trả lại đơn phản tố của ông H là thiếu sót.

[1.4] Xét thấy, số tài sản trên là của ông H và bà TH đã được giải quyết phân chia tại bản án số 13/2005/LHPT ngày 08/6/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk

Lắk, sau đó ông H, bà TH, không ai sử dụng nên ông Nguyễn Minh H1 (bố ông H) đã sử dụng cho ông TR thuê và cho ông P mượn để ở (hiện tại ông TR, ông P đang ở căn nhà trên) nhưng khi giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Nguyễn Minh H1 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng về tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét thấy, Tại bản án số 13/2005/LHPT ngày 08/6/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định về quan hệ hôn nhân và về phần tài sản, thì bà TH có quyền sở hữu căn nhà xây cấp 04 phòng ngủ phía trước rộng 4,2m dài 0,9m+3,7m = 4,6m, phòng ngủ phía sau dài 4,9m, rộng 3,3m và nhà vệ sinh thứ 2 rộng 1,9m dài 2,6m có diện tích 40,43m^2 nằm trên 220,77m^2, tại địa chỉ liên gia Y, tổ dân phố X, phường TT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (hoặc đường O, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk). Trong đó đất thổ cư 60m^2, đất nông nghiệp 160,177m^2. Đất có vị trí tứ cận: Phía Tây giáp đất ông D dài 35m, phía Nam giáp đường rộng 6,6m, phía Bắc giáp đất ông H rộng 6,6m; phía Đông: phía trước giáp đất ông H dài 9,9m, phía sau giáp đất ông H dài 15,6m. Tuy nhiên, theo biên bản xác minh ngày 28/11/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B xác định: Trong thời gian từ khi bản án số 13/2005/LHPT ngày 08/6/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk có hiệu lực pháp luật đến nay thì bà Trần Thị TH, ông Nguyễn Minh H không ai làm đơn yêu cầu thi hành án đối với bản án nêu trên. Nay thời hiệu thi hành án đã hết nên bà TH làm đơn khởi kiện là có căn cứ.

[2.2] Qua phân tích và nhận định trên Hội đồng xét xử nhận thấy cấp sơ thẩm chưa xác minh để giải quyết yêu cầu phản tố của ông H, không đưa ông Nguyễn Minh H1 vào tham gia tố tụng và tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng sai quy định, những thiếu sót trên là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy cần phải hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Minh H

[2] Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 61/2017/DS-ST ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và chuyển hồ sơ cho tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Minh H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả lại cho ông Nguyễn Minh H 300.000đ (Ba trăm

ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2016/0004707 ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra TANDTC;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh ĐắkLắk;
- TAND thành phố Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS thành phố B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trịnh Văn Toàn